

Số: 840 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 19 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2013;

*Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-BTP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở
cơ sở;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 62/TTr-STP ngày
18 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ PBGDPL-Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Sơn La;
- Báo Pháp luật Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử PBGDPL (để đăng tải);
- Lưu: VT, NC, Duyên.



CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 840 /QĐ-UBND ngày 19/5/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá khách quan, toàn diện những kết quả đạt được sau 10 năm thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở; chỉ rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân; đồng thời, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng thực hiện hiệu quả trong thời gian tới.

- Gắn việc tổng kết với công tác thi đua - khen thưởng; lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và công tác hòa giải ở cơ sở (HGCS) để biểu dương, khen thưởng.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết Luật Hòa giải ở cơ sở phải được tiến hành nghiêm túc, khách quan, toàn diện từ tỉnh đến cơ sở; đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu và tiến độ đề ra, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, bám sát các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 2611/QĐ-BTP ngày 04/11/2013 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tổng kết, phát huy vai trò nòng cốt của các Tổ hòa giải trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

II. PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔNG KẾT

1. Phạm vi tổng kết

- Việc tổng kết được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, tại các cơ quan, tổ chức có liên quan và địa phương.

- Mốc thời gian thông tin, số liệu tổng kết: tính từ tháng 01/2014 đến hết tháng 6/2023.

2. Nội dung tổng kết

Theo Đề cương Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các biểu mẫu thống kê kèm theo Kế hoạch này.

3. Hình thức tổng kết

a) Cấp tỉnh: căn cứ vào tình hình thực tế, UBND tỉnh sẽ tổ chức tổng kết Luật Hòa giải ở cơ sở bằng hình thức phù hợp.

b) Cấp huyện: UBND các huyện, thành phố, tùy vào tình hình thực tế, điều kiện của địa phương, lựa chọn hình thức tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở bằng hình thức phù hợp, hiệu quả.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI VIỆC TỔNG KẾT

1. Tổ chức kiểm tra kết quả triển khai Luật Hòa giải ở cơ sở

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì kiểm tra tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương. Phòng Tư pháp các huyện, thành phố chủ trì kiểm tra một số đơn vị cấp xã theo thẩm quyền.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể; UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý II, III năm 2023 (*thực hiện lồng ghép với việc kiểm tra công tác Phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023*).

2. Tổ chức các hoạt động truyền thông về kết quả tổ chức thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản có liên quan

a) Tổ chức các hoạt động truyền thông về kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở qua các tin, bài viết đăng tải trên Trang/Cổng thông tin điện tử của ngành, đơn vị và địa phương; trang Thông tin điện tử PBGDPL của tỉnh...

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp; phòng Tư pháp các huyện, thành phố.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Báo Sơn La; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: từ Quý II đến Quý IV năm 2023.

b) Xây dựng, đăng tải các tin bài, phóng sự; phát hành sản phẩm truyền thông về Luật Hòa giải ở cơ sở, kết quả thi hành trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Báo Sơn La; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tư pháp; Báo Pháp luật Việt Nam; UBND các huyện, thành phố; Phòng Tư pháp các huyện, thành phố.

- Thời gian thực hiện: từ Quý II đến Quý IV năm 2023.

c) Xây dựng phóng sự tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

- Đơn vị phối hợp thực hiện: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Sở Tư pháp các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: tháng 6 - 7 năm 2023.

3. Xây dựng báo cáo tổng kết

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở trình UBND tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể; UBND các huyện, thành phố; phòng Tư pháp các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: trước ngày **15/8/2023**.

4. Tổ chức khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

a) Giấy khen: căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, phòng Tư pháp cấp huyện; Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, tham mưu cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở tại địa phương.

b) Bằng khen: Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tư pháp; Sở Nội vụ.

- Đơn vị phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; phòng Tư pháp các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: trong tháng **7/2023**.

- Số lượng gồm: **10** tập thể và **15** cá nhân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở của UBND tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở gửi Sở Nội vụ thẩm định.

- Tổng hợp danh sách, bình xét, đề xuất khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở *(khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tư pháp)*.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể; các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ theo Mục 3 Phần III Kế hoạch này.

3. Sở Nội Vụ: Ban hành hướng dẫn khen thưởng; thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở.

4. UBND các huyện, thành phố

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và UBND các xã, phường, thị trấn, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, thành phố và các đoàn thể có liên quan xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở theo Đề cương gửi kèm theo Kế hoạch này (*Phụ lục I, II*); gửi báo cáo tổng kết về UBND tỉnh (*qua Sở Tư pháp, số điện thoại: 02123.856.627; 02123.853.271*) **chậm nhất ngày 25/7/2023** để tổng hợp.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác (*Dự toán ngân sách năm 2023 giao tại Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh*).

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu với UBND tỉnh giải quyết theo thẩm quyền./.

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 10 NĂM THI HÀNH
LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác hòa giải ở cơ sở

a) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Luật (*văn bản quy phạm pháp luật, văn bản cá biệt*).

b) Tình hình quán triệt, phổ biến, truyền thông về Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đến các đối tượng liên quan.

- Các hình thức phổ biến, truyền thông đã được áp dụng, triển khai (*tập huấn, bồi dưỡng, cung cấp tài liệu...*); kết quả đạt được.

- Số lượng cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ về hòa giải ở cơ sở được tuyên truyền, phổ biến; số lượng các chương trình phát sóng, phát thanh, số chuyên mục đăng tải trên báo, mạng internet; số lượng Nhân dân được tuyên truyền, phổ biến về pháp luật hòa giải ở cơ sở.

c) Nâng cao năng lực cho người làm công tác hòa giải ở cơ sở

- Tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở

- Hòa giải viên

d) Hoạt động kiểm tra công tác hòa giải cơ sở

đ) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác hòa giải cơ sở

e) Khen thưởng trong công tác hòa giải cơ sở

g) Hợp tác quốc tế về hòa giải ở cơ sở

h) Bố trí nguồn lực thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở

- Số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; đội ngũ cán bộ, công chức tổ chức chính trị - xã hội được giao nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn công tác hòa giải ở cơ sở của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Về kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở: Nêu rõ mức kinh phí ngân sách nhà nước thường xuyên hàng năm bố trí cho công tác hòa giải ở cơ sở. Đánh giá rõ mức độ bố trí kinh phí theo hàng năm (*tăng hoặc giảm*) từ khi có Luật Hòa giải ở cơ sở đến nay.

- Huy động nguồn lực xã hội cho công tác hòa giải ở cơ sở: Nêu rõ các hình thức, hoạt động huy động nguồn lực trong xã hội (*con người và kinh phí*) triển khai công tác hòa giải ở cơ sở tại bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức; mức kinh phí huy động được.

2. Sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận; các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác hòa giải ở cơ sở

Đánh giá sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác hòa giải ở cơ sở (*thực hiện đầy đủ chưa? mức độ thực hiện như thế nào, có hiệu quả hay không?...*).

3. Tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở (*chỉ dành cho huyện, thành phố*)

- Số lượng tổ hòa giải và hòa giải viên, thành phần của Tổ hòa giải; củng cố, kiện toàn Tổ hòa giải.

- Hoạt động của Tổ hòa giải (*tổng số vụ, việc đã tiến hành hòa giải trong 10 năm, số vụ việc hòa giải thành, tỷ lệ hòa giải thành...*). Nội dung, tính chất, lĩnh vực phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh chấp được hòa giải.

- Đánh giá chất lượng hòa giải viên và hiệu quả hoạt động của Tổ hòa giải trên địa bàn.

- Đánh giá việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành (*tỷ lệ các vụ, việc đã thực hiện thỏa thuận hòa giải thành?*).

4. Đánh giá chung

- Đánh giá chung những kết quả đạt được.

- Đánh giá nhu cầu xã hội về hòa giải ở cơ sở.

- Đánh giá tác động xã hội của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG THỰC HIỆN LUẬT VÀ NGUYÊN NHÂN; BẤT CẬP TRONG CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (NẾU CÓ)

1. Tồn tại, hạn chế (*tập trung đánh giá tồn tại, hạn chế trong tổ chức thực hiện Luật trên thực tế; bất cập trong các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có)*).

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân từ thực tiễn (*nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan*).

b) Nguyên nhân từ các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Bài học kinh nghiệm

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đề xuất, kiến nghị

a) Về hoàn thiện các quy định của pháp luật

Kiến nghị các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành *(nếu có)*.

b) Về tổ chức thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

Các đề xuất, kiến nghị nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác hòa giải ở cơ sở.

2. Giải pháp

Các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở; tăng số vụ việc tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được áp dụng biện pháp hòa giải ở cơ sở; tăng tỷ lệ hòa giải thành.

- Giải pháp trước mắt.
- Giải pháp lâu dài.

Phụ lục II
BIỂU MẪU PHỤC VỤ TỔNG KẾT 10 NĂM
THI HÀNH LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Các văn bản hướng dẫn triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở

STT	Văn bản quy phạm pháp luật	Các loại văn bản							Ghi chú
		Chỉ thị	Kết luận/Thông báo	Nghị quyết/Chương trình	Quyết định	Kế hoạch	Công văn/Hướng dẫn	Văn bản khác	
	Ghi rõ tên loại văn bản, số, ký hiệu và trích yếu								
	Tổng số								

2. Thống kê kinh phí chi hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở 10 năm

(dành cho các huyện, thành phố)

STT	Chi thù lao cho hòa giải viên	Chi bầu hòa giải viên	Chi hỗ trợ Tổ hòa giải (văn phòng phẩm, photo tài liệu...)	Chi hỗ trợ hòa giải viên gặp tai nạn, rủi ro (nếu có)	Chi tập huấn, cung cấp tài liệu, nâng cao năng lực cho hòa giải viên	Kinh phí xã hội hóa (nếu có)